

KẾ HOẠCH

Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xác định hiện trạng rừng tự nhiên, rừng trồng để quản lý rừng bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Điều tra, đánh giá, xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp triển khai phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai công tác điều tra, xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo thực hiện theo các quy định của pháp luật.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo khoa học, chính xác, hiệu quả, tiết kiệm; công tác điều tra phải dựa trên cơ sở phối hợp, chính xác, khách quan.

c) Các kết quả phân tích, đánh giá được các cơ quan có liên quan thống nhất thông qua.

II. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Xác định nhiệm vụ điều tra, đánh giá, xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng thuộc nhiệm vụ điều tra rừng theo chuyên đề.

b) Triển khai công tác chuẩn bị: Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí; chuẩn bị vật liệu và trang thiết bị cần thiết; thu thập và xử lý ảnh, bản đồ, tài liệu liên quan; xác định dung lượng mẫu cần thiết theo nội dung điều tra; thiết kế hệ thống mẫu điều tra trên bản đồ.

2. Công tác ngoại nghiệp (điều tra thực địa)

Điều tra các chỉ số phục vụ xác định hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng, gồm: thiết lập mẫu điều tra trên thực địa; thu thập số liệu,

mẫu vật trên các mẫu điều tra; điều tra các lô trạng thái rừng, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ chuyên đề; kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng điều tra thực địa.

a) Điều tra diện tích rừng

- Nội dung điều tra diện tích rừng:

+ Điều tra diện tích rừng tự nhiên;

+ Điều tra diện tích rừng trên đất ngập nước, rừng trên cát (bao gồm: rừng ngoài quy hoạch);

+ Điều tra diện tích rừng trồng theo loài cây, cấp tuổi;

+ Điều tra diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;

+ Điều tra diện tích các trạng thái rừng theo chủ rừng và theo đơn vị hành chính.

- Phương pháp điều tra diện tích rừng:

+ Điều tra diện tích rừng được thực hiện theo lô trạng thái rừng;

+ Giải đoán ảnh viễn thám; xây dựng bản đồ giải đoán hiện trạng rừng bằng phần mềm chuyên dụng;

+ Điều tra bổ sung hiện trạng các lô trạng thái rừng ngoài thực địa;

+ Biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và tính toán diện tích các lô trạng thái rừng bằng các phần mềm chuyên dụng.

- Thành quả điều tra, đánh giá diện tích rừng

+ Bản đồ hiện trạng rừng theo yêu cầu của nội dung điều tra đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

+ Hệ thống số liệu điều tra gốc, số liệu tổng hợp theo các Biểu số 04, Biểu số 05 và Biểu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, đánh giá diện tích rừng.

b) Điều tra trữ lượng rừng

- Nội dung điều tra trữ lượng rừng: Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng (bao gồm các diện tích ngoài quy hoạch) theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phương pháp điều tra trữ lượng rừng:

+ Điều tra rừng tự nhiên (bao gồm diện tích rừng ngoài quy hoạch): Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình (diện tích từ 500 m²), đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra là 0,0325%: Với tổng diện tích rừng tự nhiên là 2.955,28 ha thì tổng số ô tiêu chuẩn là 19 ô, với tổng diện tích ô tiêu chuẩn là 9.500 m² (0,95 ha);

+ Điều tra rừng trồng: Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (loài cây, cấp tuổi), diện tích 500 m²; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra là 0,02%, với tổng diện tích rừng trồng hiện có là 6.665,2 ha, vì vậy tổng số ô tiêu chuẩn là 27 ô, tổng diện tích ô tiêu chuẩn là 13.500 m² (1,35 ha);

+ Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

- Thành quả điều tra trữ lượng rừng

+ Hệ thống số liệu điều tra gốc và biểu tổng hợp trữ lượng rừng theo các Biểu số 01, Biểu số 06 và Biểu số 09 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng rừng.

c) Điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng

- Nội dung điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng:

+ Điều tra sinh khối thực vật sống, bao gồm: Các bộ phận của cây trên mặt đất và dưới đất;

+ Điều tra trữ lượng các-bon rừng, bao gồm: Các-bon trong sinh khối sống theo quy định tại điểm a khoản này; các-bon trong gỗ chết, các-bon trong thảm mục; các-bon trong đất.

- Phương pháp điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon:

+ Thiết lập hệ thống ô tiêu chuẩn điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng để thu thập số liệu tính toán sinh khối và quy đổi trữ lượng các-bon;

+ Thu thập mẫu điều tra, bao gồm: Cây gỗ, cây tái sinh, cây bụi, thảm tươi, dây leo, thảm mục, các bộ phận cây dưới mặt đất để tính toán trực tiếp trữ lượng các-bon;

+ Lấy mẫu đất và phân tích trữ lượng các-bon trong đất;

+ Tính toán trữ lượng các-bon bằng phương pháp trực tiếp từ mẫu điều tra được hoặc quy đổi gián tiếp khác từ sinh khối của rừng.

- Thành quả điều tra: Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá sinh khối và trữ lượng các-bon rừng.

d) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến thống nhất số liệu điều tra (lần 1)

- Tổ chức hội nghị lấy ý kiến thống nhất, nghiệm thu số liệu điều tra.

- Thành phần tham dự: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ trì) và đại diện các cơ quan có liên quan.

3. Công tác nội nghiệp (xử lý, tính toán nội nghiệp)

Thực hiện biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng; sử dụng phần mềm, phương pháp thống kê toán học và xử lý, tính toán diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng; phân tích, tổng hợp, viết báo cáo kết quả điều tra rừng; kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thành quả điều tra rừng.

a) Xử lý số liệu, phân tích đánh giá các chỉ tiêu

- Các phương pháp xử lý số liệu:

+ Thể tích cây đứng tính gián tiếp qua công thức: $V = G.H.F$ (trong đó: V là thể tích thân cây; G là diện tích tiết diện ngang thân cây; H là chiều cao cây; F là hình số: rừng trồng $F = 0,5$; rừng tự nhiên $F = 0,45$);

+ Sử dụng phần mềm chuyên dụng để xử lý, lập bản đồ hiện trạng rừng.

- Thành quả, sản phẩm kết quả điều tra là 10 bộ hồ sơ, tài liệu, gồm:

+ Bản đồ hiện trạng rừng theo yêu cầu của nội dung điều tra đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

+ Hệ thống số liệu điều tra gốc, số liệu tổng hợp theo quy định hiện hành;

+ Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá diện tích rừng, trữ lượng rừng, sinh khối và trữ lượng các-bon rừng.

b) Lấy ý kiến góp ý báo cáo

- Tổ chức hội nghị lần 2: Lấy ý kiến góp ý báo cáo; chỉnh sửa tài liệu, báo cáo, in ấn, giao nộp tài liệu thành quả.

- Thành phần tham dự: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ trì) và đại diện các cơ quan liên quan.

III. DỰ TOÁN VỐN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Dự toán kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí thực hiện: 3.642.454.000 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

b) Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh.

(Đính kèm Phụ lục dự toán thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh)

2. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và năm 2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch và chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này.

b) Xây dựng Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện đúng theo quy định.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh.

d) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hoàn về nội dung đề xuất và trong quá trình tổ chức thực hiện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật nếu việc đề xuất hoặc trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này (bao gồm: nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp thực hiện; dự toán thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh; định mức chi... và việc quản lý, sử dụng kinh phí) không đúng mục đích, yêu cầu và không đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc thẩm định dự toán, nội dung đề xuất trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát cung cấp hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai kế hoạch.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu về kiểm kê đất đai có liên quan đến sử dụng đất rừng; các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất rừng, chuyển mục đích sử dụng đất để trồng rừng và chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác làm cơ sở để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích hợp vào hồ sơ điều tra rừng, đảm bảo đồng bộ với kiểm kê đất đai.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị chức năng tuyên truyền, phổ biến đến các chủ rừng, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan về nội dung kế hoạch điều tra rừng. Rà soát quy hoạch, cung cấp hồ sơ quy hoạch đất lâm nghiệp và phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai kế hoạch.

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có diện tích rừng, phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan tại địa phương.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, các sở, ban, ngành địa phương có liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.